

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Khen thưởng các cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid 19**

**BAN THƯỜNG VỤ ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

- Căn cứ điều 27 chương VII Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 583/QĐ/TĐTN – TCKT của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Duy Tân khóa VIII, nhiệm kỳ 2019 – 2022;
- Căn cứ Thông báo số 18/TB-ĐTN ngày 20/10/2021 của Ban Thường vụ Đoàn trường Đại học Duy Tân về việc giới thiệu bổ sung các cá nhân xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid 19 xét khen thưởng;
- Xét báo cáo thành tích của các cá nhân, theo đề nghị của Văn phòng Đoàn trường Đại học Duy Tân,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Tặng Giấy khen của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Duy Tân cho 274 cá nhân *(Có danh sách kèm theo)*.

**Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch Covid 19**

**Điều 2.** Các cá nhân có tên tại Điều 1, Ban thường vụ Đoàn trường và các bộ phận có liên quan căn cứ quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM.BAN THƯỜNG VỤ ĐOÀN TRƯỜNG**

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VP.

**BÍ THƯ**



**Nguyễn Thị Tuyết**

**DANH SÁCH CÁ NHÂN CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC  
PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID 19**

*(Danh sách đính kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTN, ngày 26/10/2021  
của Đoàn trường Đại học Duy Tân)*

| STT | HỌ VÀ TÊN              | LỚP      | ĐƠN VỊ             |
|-----|------------------------|----------|--------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Mỹ Hào      |          | UV BTV Đoàn trường |
| 2   | Nguyễn Thị Hải Yến     | K23YDD4  | Khoa Điều dưỡng    |
| 3   | Lê Nguyễn Cẩm Hiền     | K23YDD1  | Khoa Điều dưỡng    |
| 4   | Nguyễn Lương Thuỳ Linh | K23YDD1  | Khoa Điều dưỡng    |
| 5   | Đặng Thị Khánh Hòa     | K25YDD3  | Khoa Điều dưỡng    |
| 6   | Phan Thị Mỹ Thoa       | K23YDD5  | Khoa Điều dưỡng    |
| 7   | Trần Anh Dũng          | K23YDD3  | Khoa Điều dưỡng    |
| 8   | Trần Thị Kiều Mẫn      | K23YDD3  | Khoa Điều dưỡng    |
| 9   | Lê Thu Quỳnh           | K24YDD6  | Khoa Điều dưỡng    |
| 10  | Hà Thị Thúy Hằng       | K24YDD4  | Khoa Điều dưỡng    |
| 11  | Ca Hoàng Huân          | K24YDD6  | Khoa Điều dưỡng    |
| 12  | Huỳnh Thị Ánh Chi      | K24YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 13  | Lê Mai Hoa             | K24YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 14  | Huỳnh Thị Bích Chiêu   | K24YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 15  | Trần Thị Giang         | K24YDD6  | Khoa Điều dưỡng    |
| 16  | Ngô Thị Quỳnh Như      | K24YDD3  | Khoa Điều dưỡng    |
| 17  | Đặng Trần Hoàng Vy     | K24YDD6  | Khoa Điều dưỡng    |
| 18  | Trương Bảo Yến         | K24YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 19  | Võ Thị Tây Nguyên      | K25YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 20  | Đinh Thị Hoàng Liên    | K25YDDVJ | Khoa Điều dưỡng    |
| 21  | Nguyễn Hoàng Cẩm Tú    | K26YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 22  | Đặng Thị Thanh Hương   | K26YDD2  | Khoa Điều dưỡng    |
| 23  | Nguyễn Lê Nhật Mai     | K25YDDVJ | Khoa Điều dưỡng    |
| 24  | Thái Thị Hiền          | K24YDD3  | Khoa Điều dưỡng    |
| 25  | Võ Thị Hàn Châu        | K25YDDVJ | Khoa Điều dưỡng    |
| 26  | Lê Ngọc Thùy           | K24YDD3  | Khoa Điều dưỡng    |
| 27  | Vũ Phương Linh         | K24YDD4  | Khoa Điều dưỡng    |
| 28  | Trần Nguyễn Khánh Ly   | K25YDD1  | Khoa Điều dưỡng    |

|    |                       |          |                 |
|----|-----------------------|----------|-----------------|
| 29 | Nguyễn Thị Mỹ Hoa     | K24YDD2  | Khoa Điều dưỡng |
| 30 | Nguyễn Thị Ngọc Nhân  | K26YDD2  | Khoa Điều dưỡng |
| 31 | Võ Thị Thương         | K25YDD3  | Khoa Điều dưỡng |
| 32 | Nguyễn Thị Bích Hằng  | K25YDDVJ | Khoa Điều dưỡng |
| 33 | Phan Nguyễn Hà Linh   | K26YDD2  | Khoa Điều dưỡng |
| 34 | Nguyễn Như Sa         | K24YDD1  | Khoa Điều dưỡng |
| 35 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | K26YDD1  | Khoa Điều dưỡng |
| 36 | Hoàng Bảo Ngọc        | K25YDD3  | Khoa Điều dưỡng |
| 37 | Nguyễn Tô Viên Châu   | K26YDD1  | Khoa Điều dưỡng |
| 38 | Cao Nữ Ái Nhi         | K26YDD1  | Khoa Điều dưỡng |
| 39 | Huỳnh Thị Ngọc Trung  | K24YDD1  | Khoa Điều dưỡng |
| 40 | Đào Thị Nhung         | K24YDD3  | Khoa Điều dưỡng |
| 41 | Nguyễn Huệ Phương     | K24YDD6  | Khoa Điều dưỡng |
| 42 | Nguyễn Ngọc Sanh      | K24YDD6  | Khoa Điều dưỡng |
| 43 | Nguyễn Hoài Vũ        | K24YDH5  | Khoa Dược       |
| 44 | Võ Thị Ái Viên        | K23YDH9  | Khoa Dược       |
| 45 | Nguyễn Thị Thu Hằng   | K23YDH9  | Khoa Dược       |
| 46 | Huỳnh Thị Ái Nhân     | K23YDH9  | Khoa Dược       |
| 47 | Trần Anh Kiệt         | K23YDH9  | Khoa Dược       |
| 48 | Trần Dạ Thảo          | K24YDH5  | Khoa Dược       |
| 49 | Cao Thị Trang         | K22YDH4  | Khoa Dược       |
| 50 | Trần Thị Thu Hiền     | K24YDH3  | Khoa Dược       |
| 51 | Vũ Thị Mai Hoa        | K25YDH1  | Khoa Dược       |
| 52 | Ngô Hoàng Duy         | K24YDH3  | Khoa Dược       |
| 53 | Nguyễn Ngọc Anh Tuấn  | K24YDH9  | Khoa Dược       |
| 54 | Nguyễn Huy Anh        | K25YDH4  | Khoa Dược       |
| 55 | Nguyễn Đỗ Nguyên Khoa | K25YDH4  | Khoa Dược       |
| 56 | Nguyễn Thị Mỹ Trinh   | K25YDH4  | Khoa Dược       |
| 57 | Lê Hoàng Anh Tú       | K24YDH9  | Khoa Dược       |
| 58 | Hồ Quỳnh Trâm         | K26YDH1  | Khoa Dược       |
| 59 | Nguyễn Hữu Nghĩa      | K23YDH3  | Khoa Dược       |
| 60 | Phạm Ngọc Thạch       | K23YDH3  | Khoa Dược       |
| 61 | Phan Thị Thảo Trang   | K25YDH3  | Khoa Dược       |
| 62 | Trần Ngọc Thành       | K25YDH3  | Khoa Dược       |
| 63 | Đặng Thị Mỹ Duyên     | K21YDK2  | Khoa Y          |
| 64 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    | K21YDK1  | Khoa Y          |
| 65 | Ngô Đình Nam          | K23YDK6  | Khoa Y          |

|     |                       |         |        |
|-----|-----------------------|---------|--------|
| 66  | Vương Ngọc Thanh Thảo | K24YDK3 | Khoa Y |
| 67  | Võ Quốc Dũng          | K21YDK1 | Khoa Y |
| 68  | Võ Thị Mỹ Hạnh        | K21YDK2 | Khoa Y |
| 69  | Hứa Tuấn Kiệt         | K21YDK1 | Khoa Y |
| 70  | Nguyễn Giao Linh      | K21YDK2 | Khoa Y |
| 71  | Nguyễn Hữu Nhất       | K21YDK2 | Khoa Y |
| 72  | Phạm Anh Tuấn         | K21YDK1 | Khoa Y |
| 73  | Nguyễn Văn Minh Quân  | K22YDK2 | Khoa Y |
| 74  | Nguyễn Hữu Vinh       | K22YDK2 | Khoa Y |
| 75  | Trần Thanh An         | K23YDK8 | Khoa Y |
| 76  | Phạm Thị Khánh Chi    | K23YDK8 | Khoa Y |
| 77  | Lê Thị Thúy Hằng      | K23YDK2 | Khoa Y |
| 78  | Trương Lê Hạ My       | K23YDK1 | Khoa Y |
| 79  | Lê Thị Trang          | K23YDK3 | Khoa Y |
| 80  | Lê Hồng Uyên          | K23YDK8 | Khoa Y |
| 81  | Trần Minh Khai        | K24YDR2 | Khoa Y |
| 82  | Trần Lê Giao Linh     | K24YDR1 | Khoa Y |
| 83  | Nguyễn Văn Thiện      | K24YDK5 | Khoa Y |
| 84  | Phan Thanh Thủy Tiên  | K24YDR1 | Khoa Y |
| 85  | Trần Tiến Vinh        | K24YDK3 | Khoa Y |
| 86  | Phan Lương Thành      | K25YDK1 | Khoa Y |
| 87  | Đàm Trí Tài           | K21YDK1 | Khoa Y |
| 88  | Đỗ Phú An             | K21YDK1 | Khoa Y |
| 89  | Trần Ngọc Khánh       | K21YDK1 | Khoa Y |
| 90  | Phan Công Lưu         | K21YDK1 | Khoa Y |
| 91  | Lê Hồng Thái          | K21YDK1 | Khoa Y |
| 92  | Lê Phan Thanh Trí     | K21YDK1 | Khoa Y |
| 93  | Trần Trung Hậu        | K23YDK6 | Khoa Y |
| 94  | Huỳnh Ngân Hà         | K23YDK7 | Khoa Y |
| 95  | Nguyễn Đại Nguyên     | K24YDR1 | Khoa Y |
| 96  | Nguyễn Thành Pha      | K21YDK1 | Khoa Y |
| 97  | Hoàng Thị Thảo Chinh  | K21YDK1 | Khoa Y |
| 98  | Nguyễn Hương Loan     | K21YDK1 | Khoa Y |
| 99  | Phan Thị Kim Trang    | K21YDK1 | Khoa Y |
| 100 | Bùi Duy Thùy Trang    | K21YDK1 | Khoa Y |
| 101 | Trương Thái Tuệ Mẫn   | K23YDK3 | Khoa Y |
| 102 | Đoàn Ngọc Trâm        | K23YDK8 | Khoa Y |

|     |                          |         |        |
|-----|--------------------------|---------|--------|
| 103 | Ngô Nguyễn Mai Linh      | K22YDK3 | Khoa Y |
| 104 | Cao Nguyễn Thị Hồng Hiếu | K22YDK3 | Khoa Y |
| 105 | Đặng Lê Xuân Quỳnh       | K22YDK1 | Khoa Y |
| 106 | Nguyễn Thị Thu Hồng      | K24YDK1 | Khoa Y |
| 107 | Nguyễn Trung Tín         | K22YDK3 | Khoa Y |
| 108 | Trần Thị Ái Linh         | K23YDK4 | Khoa Y |
| 109 | Nguyễn Thị Trà Giang     | K23YDK4 | Khoa Y |
| 110 | Nguyễn Ngọc Hiếu         | K23YDK4 | Khoa Y |
| 111 | Trần Thị Ái Ân           | K24YDK2 | Khoa Y |
| 112 | Nguyễn Thị Xuân Nữ       | K24YDK3 | Khoa Y |
| 113 | Lê Thị Oanh Thơ          | K24YDK2 | Khoa Y |
| 114 | Lê Tường Vi              | K21YDK2 | Khoa Y |
| 115 | Đỗ Thế Bon               | K22YDK1 | Khoa Y |
| 116 | Nguyễn Đình Bảo Ngọc     | K23YDK4 | Khoa Y |
| 117 | Nguyễn Thị Thùy Linh     | K24YDK4 | Khoa Y |
| 118 | Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh   | K23YDK2 | Khoa Y |
| 119 | Nguyễn Thị Yến Nhi       | K23YDK8 | Khoa Y |
| 120 | Nguyễn Thị Ngọc Huyền    | K23YDK1 | Khoa Y |
| 121 | Trịnh Thị Khánh Huyền    | K23YDK1 | Khoa Y |
| 122 | Đỗ Triệu Hoàng           | K24YDR2 | Khoa Y |
| 123 | Lương Ngọc Diệu          | K24YDR1 | Khoa Y |
| 124 | Lương Thị Tú Lan         | K24YDK4 | Khoa Y |
| 125 | Lê Thị Tuyết Kha         | K24YDR2 | Khoa Y |
| 126 | Phan Thuý Trâm           | K24YDK4 | Khoa Y |
| 127 | Cao Thị Thùy Trang       | K23YDK4 | Khoa Y |
| 128 | Lê Thị Ngọc Linh         | K24YDR2 | Khoa Y |
| 129 | Nguyễn Thị Kim Thoa      | K24YDK4 | Khoa Y |
| 130 | Trần Nguyệt Quế          | K23YDK2 | Khoa Y |
| 131 | Hoàng Nguyên Anh Thư     | K23YDK2 | Khoa Y |
| 132 | Trần Thị Nhã Uyên        | K21YDK2 | Khoa Y |
| 133 | Hồ Lan Anh               | K24YDR1 | Khoa Y |
| 134 | Phạm Minh Hào            | K24YDR1 | Khoa Y |
| 135 | Nguyễn Ngọc Hồng         | K24YDR2 | Khoa Y |
| 136 | Lê Thị Yến Nhi           | K21YDK1 | Khoa Y |
| 137 | Bùi Thảo Nguyên          | K21YDK2 | Khoa Y |
| 138 | Nguyễn Hiền Phương Thy   | K21YDK1 | Khoa Y |
| 139 | Nguyễn Thoại Thư         | K23YDK2 | Khoa Y |

|     |                        |           |                     |
|-----|------------------------|-----------|---------------------|
| 140 | Trần Thị Phương        | K25YDK1   | Khoa Y              |
| 141 | Lưu Nguyễn Tuyết Ngân  | K23YDK4   | Khoa Y              |
| 142 | Huỳnh Nguyễn Ngọc Trâm | K23YDK2   | Khoa Y              |
| 143 | Nguyễn Thị Kiều        | K24YDK3   | Khoa Y              |
| 144 | Nguyễn Ngọc Diễm       | K24YDK3   | Khoa Y              |
| 145 | Nguyễn Thị Lệ Hiếu     | K23YDK4   | Khoa Y              |
| 146 | Nguyễn Thanh An        | K24YDK2   | Khoa Y              |
| 147 | Nguyễn Quốc Anh        | K26YDR3   | Khoa Y              |
| 148 | Nguyễn Thị Minh Hằng   | K21YDK2   | Khoa Y              |
| 149 | Lê Thị Minh Hạnh       | K26YDR3   | Khoa Y              |
| 150 | Lê Tạ Thanh Nga        | K26YDR3   | Khoa Y              |
| 151 | Nguyễn Thúy Quỳnh      | K25YDK3   | Khoa Y              |
| 152 | Nguyễn Hoàng Minh Tâm  | K26YDR3   | Khoa Y              |
| 153 | Đặng Xuân Thắng        | K22YDK1   | Khoa Y              |
| 154 | Võ Việt Thắng          | K23YDK3   | Khoa Y              |
| 155 | Tô Cát Tiên            | K21YDK2   | Khoa Y              |
| 156 | Nguyễn Thị Hằng Vi     | K21YDK2   | Khoa Y              |
| 157 | Bùi Tấn Nguyên         | K24YDK5   | Khoa Y              |
| 158 | Đinh Thị Thúy Quỳnh    | K24YDK2   | Khoa Y              |
| 159 | Lê Đức Anh Tài         | K26YDR3   | Khoa Y              |
| 160 | Nguyễn Hưng Thịnh      | K22YDK3   | Khoa Y              |
| 161 | Nguyễn Nữ Thanh Ngân   | K24YDK2   | Khoa Y              |
| 162 | Thái Thị Hoàng Anh     | K24YDK2   | Khoa Y              |
| 163 | Phạm Ngọc Trọng        | K22YDK2   | Khoa Y              |
| 164 | Đặng Ngọc Nhung        | K25-QTD1  | Quản trị kinh doanh |
| 165 | Lê Thị Mỹ Châu         | K25-QTN1  | Quản trị kinh doanh |
| 166 | Nguyễn Đình Đặng Hùng  | K25-QTH14 | Quản trị kinh doanh |
| 167 | Nguyễn Đức Hạnh        | K24QTH9   | Quản trị kinh doanh |
| 168 | Nguyễn Đức Phước       | K25 QTM6  | Quản trị kinh doanh |
| 169 | Nguyễn Thị Thu Huyền   | K25-QTM4  | Quản trị kinh doanh |
| 170 | Nguyễn Thị Thương      | K25-QTH14 | Quản trị kinh doanh |
| 171 | Nguyễn Thuỷ Triều      | K25-QTH14 | Quản trị kinh doanh |
| 172 | Phạm Thị Ánh Tuyết     | K25 QTN1  | Quản trị kinh doanh |
| 173 | Trần Thị Thanh Hoa     | K24HP-QTC | Quản trị kinh doanh |
| 174 | Phạm Thị Hiền          | K27QTM13  | Quản trị kinh doanh |
| 175 | Võ Thị Anh Thư         | K25-QTH7  | Quản trị kinh doanh |
| 176 | Trần Cảnh Nam          | K27QKB    | Quản trị kinh doanh |

|     |                         |            |                                    |
|-----|-------------------------|------------|------------------------------------|
| 177 | Nguyễn Văn Nhật Tân     | K26QNT1    | Quản trị kinh doanh                |
| 178 | Trần Lê Phương Thảo     | K27QNT     | Quản trị kinh doanh                |
| 179 | Huỳnh Thị Ái Nữ         | K27QTM2    | Quản trị kinh doanh                |
| 180 | Trần Thị Tường Vân      | K27QNT     | Quản trị kinh doanh                |
| 181 | Phạm Trọng Minh         | K25QTH10   | Quản trị kinh doanh                |
| 182 | Lê Bùi Khánh Linh       | K25QTM1    | Quản trị kinh doanh                |
| 183 | Nguyễn Đăng Khoa        | K25QTM1    | Quản trị kinh doanh                |
| 184 | Nguyễn Linh Chi         | K26QTM1    | Quản trị kinh doanh                |
| 185 | Trần Đình Huy           | K26HP-QTM1 | Quản trị kinh doanh                |
| 186 | Nguyễn Duy Nam          | K26HP-QTM1 | Quản trị kinh doanh                |
| 187 | Phùng Thị Thanh Lan     | K25QTM1    | Quản trị kinh doanh                |
| 188 | Nguyễn Phan Khánh Huyền | K25QTM5    | Quản trị kinh doanh                |
| 189 | Đặng Thị Thúy Ngọc      | K26NAB3    | Khoa Tiếng anh                     |
| 190 | Nguyễn Bảo Quỳnh Trang  | K23NAB6    | Khoa Tiếng anh                     |
| 191 | Nguyễn Đoàn Thảo Trang  | K26NAD3    | Khoa Tiếng anh                     |
| 192 | Nguyễn Thanh Hà         | K24NAB10   | Khoa Tiếng anh                     |
| 193 | Huỳnh Thị Hòa Hiếu      | K26NAB2    | Khoa Tiếng anh                     |
| 194 | Hồ Thị Thu Hà           | K26NAB1    | Khoa Tiếng anh                     |
| 195 | Võ Thị Thanh Tuyền      | K25NAB4    | Khoa Tiếng Anh                     |
| 196 | Nguyễn Thị Hồng Lê      | K24NAB9    | Khoa Tiếng Anh                     |
| 197 | Nguyễn Thị Mỹ Ngân      | K23NAB6    | Khoa Tiếng Anh                     |
| 198 | Đỗ Thị Linh             | K25NAD3    | Khoa Tiếng Anh                     |
| 199 | Lê Thị Hồng Ân          | K26NTQ2    | Khoa Tiếng trung                   |
| 200 | Ngô Lê Bảo Ngân         | K26NTQ6    | Khoa Tiếng trung                   |
| 201 | Ngô Uyển Nhi            | K25NTQ7    | Khoa Tiếng trung                   |
| 202 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên     | K24NTQ1    | Khoa Tiếng trung                   |
| 203 | Phạm Thị Tường Vy       | K25NTQ2    | Khoa Tiếng trung                   |
| 204 | Nguyễn Thị Nga          | K26NTQ1    | Khoa Tiếng trung                   |
| 205 | Dương Tiểu My           | K25NTQ17   | Khoa Tiếng trung                   |
| 206 | Hồ Thị Khánh Huyền      | K25NTQ5    | Khoa Tiếng trung                   |
| 207 | Nguyễn Trương Hoàng Vũ  | K26NTQ3    | Khoa Tiếng trung                   |
| 208 | Nguyễn Thị Thanh Xuân   | K26NTQ5    | Khoa Tiếng trung                   |
| 209 | Phùng Thị Dư            | K25NTQ11   | Khoa Tiếng trung                   |
| 210 | Phạm Thị Bình           | K26NHB4    | Khoa Tiếng hàn                     |
| 211 | Lê Thị Hương Liên       | K26NHB1    | Khoa Tiếng hàn                     |
| 212 | Đặng Công Thương        | K26PSU-DLH | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 213 | Dương Quang Minh Anh    | K26 DLK11  | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |

|     |                       |              |                                    |
|-----|-----------------------|--------------|------------------------------------|
| 214 | Huỳnh Thị Đông        | K26DSG       | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 215 | Lê Đức Thuận          | K25DLL3      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 216 | Ngô Phan Ngọc Mỹ      | K26DLK6      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 217 | Ngô Văn Quốc Việt     | K26DLL2      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 218 | Nguyễn Bá Quang Huy   | K24DLK6      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 219 | Nguyễn Hữu Hiếu       | K25PSU-DLK13 | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 220 | Nguyễn Minh Tú        | K25DLL3      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 221 | Nguyễn Thị Bích Vy    | K26 DLK11    | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 222 | Nguyễn Thị Diễm Kiều  | K25PSU-DLK18 | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 223 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | K26DLL2      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 224 | Nguyễn Thị Ngọc Hiền  | K26DLK1      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 225 | Nguyễn Thị Thu Thảo   | K26DLK4      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 226 | Thái Thị Diễm Hương   | K25DLK11     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 227 | Trần Cao Ngọc Hảo     | K25PSU-DLK12 | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 228 | Trần Thị Nhã Phương   | K26DSG       | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 229 | Võ Phương Nam         | K26DSG       | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 230 | Vương Thị Hương       | K25DLK11     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 231 | Trần Văn Hoàng        | K26DLL3      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 232 | Nguyễn Thị Kim Dung   | K25DLK5      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 233 | Vũ Đoàn Nhân          | K24DLK22     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 234 | Đỗ Thị Ngọc Trinh     | K26DLK1      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 235 | Lê Thị Thu Phương     | K25PSU-DLK17 | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 236 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | K25DLK15     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 237 | Lê Hữu Hạ Vy          | K25PSUDLK2   | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 238 | Trần Thị Phúc         | K26DLK8      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 239 | Trần Thị Như Ngọc     | K25DLK23     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 240 | Lê Thị Kiều Giang     | K26DLL5      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 241 | Nguyễn Khiêu Trọng    | K25DLK18     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 242 | Nguyễn Hữu Lợi        | K26DLK9      | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 243 | Phan Thị Lê           | K25DLK16     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 244 | Nguyễn Hoàng Kiều My  | K24PSU-DLK12 | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 245 | Nguyễn Quang Duy Hà   | K25DLK19     | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 246 | Dương Thị Ly Na       | K24PSU-DLL6  | Viện Đào tạo và Nghiên cứu Du lịch |
| 247 | Lê Thị Hoàng Oanh     | K26ADP       | Viện Đào tạo Quốc tế               |
| 248 | Lê Hồng Út Thương     | K25PSU-QTH3  | Viện Đào tạo Quốc tế               |
| 249 | Mai Phan Thảo Hà      | K26CU-QTH    | Viện Đào tạo Quốc tế               |
| 250 | Đặng Thị Trà My       | K25PSU-QTH5  | Viện Đào tạo Quốc tế               |

|     |                       |            |                                     |
|-----|-----------------------|------------|-------------------------------------|
| 251 | Lê Minh Đạt           | K26CKO2    | Khoa Cơ khí                         |
| 252 | Hoàng Phi Hùng        | K26CK04    | Khoa Cơ khí                         |
| 253 | Trương Minh Xuân Tùng | K25PNU-EDC | Khoa Cơ khí                         |
| 254 | Nguyễn Long Nhật      | K26CKO3    | Khoa Cơ khí                         |
| 255 | Lê Đức Vinh           | K25EDT2    | Khoa Điện - Điện tử                 |
| 256 | Trần Thị Kim Anh      | K25KKT3    | Khoa Kế toán                        |
| 257 | Lữ Kim Tài            | K24KKT3    | Khoa Kế toán                        |
| 258 | Nguyễn Hữu Văn Đoàn   | K24KKT3    | Khoa Kế toán                        |
| 259 | Nguyễn Xuân Hiếu      | K27TPM3    | Trường Khoa học Máy tính            |
| 260 | Nguyễn Thành Nhân     | K27TPM20   | Trường Khoa học Máy tính            |
| 261 | Nguyễn Vũ Quang Thắng | K25TPM8    | Trường Khoa học Máy tính            |
| 262 | Nguyễn Ngọc Hùng      | K26TPM7    | Trường Khoa học Máy tính            |
| 263 | Nguyễn Thanh Nam      | K26TPM8    | Trường Khoa học Máy tính            |
| 264 | Lê Nguyễn Kim Thương  | K26HP-VQH  | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 265 | Lương Trần Minh Thư   | K26HP-VHD  | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 266 | Nguyễn Ngọc Ánh       | K25VTD2    | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 267 | Đinh Thị Tâm          | K25VHD     | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 268 | Dương Tấn Minh        | K26VTD2    | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 269 | Nguyễn Lê Thúy Hiền   | K26VTD1    | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 270 | Trần Thị Hồng Lụa     | K25VHD     | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn    |
| 271 | Vũ Thị Hà An          | K25CTP     | Khoa Môi trường & Khoa học tự nhiên |
| 272 | Trần Phước Quốc       | K26CTP     | Khoa Môi trường & Khoa học tự nhiên |
| 273 | Mai Đức Minh Tuấn     | K25LTH     | Khoa Luật                           |
| 274 | Trần Ngô Hải Hậu      | K26LTH     | Khoa Luật                           |